

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2021
“V/v Ly hôn giữa chị C và anh
K”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dũng

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983

Địa chỉ cư trú: Số D18/10, ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Thiệu Quang K, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Số 67 Lô 3, ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2005 chị và anh Thiệu Quang K đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết

hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2005.

Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại số ấp 5, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống anh K không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh K không sửa đổi. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh K có 02 con chung tên Thiệu Quang D, sinh ngày 02/10/2006 và Thiệu Quang P, sinh ngày 16/8/2015. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật mỗi tháng là 1.490.000 đồng/02 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 cho đến khi hai cháu D và P đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh K không có nợ chung.

Bị đơn anh Thiệu Quang K vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Thiệu Quang D có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập để các đương sự hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt, từ đó cho thấy anh K cũng không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C. Về con chung: Xét cần giao Thiệu Quang D, sinh ngày 02/10/2006 và Thiệu Quang P, sinh ngày 16/8/2015 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Chăm có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 1.490.000 đồng/02 cháu/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thiệu Quang K. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Thiệu Quang K đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K, chị C.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị C xin ly hôn với anh K, thấy rằng: Chị C và anh K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/9/2005 (Giấy đăng ký số 114, quyển số 01/2005) nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh K là hợp pháp. Theo chị C, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh K không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh K không sửa đổi. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho anh K các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, anh K đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị C. Từ đó, cho thấy anh K cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị C và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[5] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị C cùng các chứng cứ do chị C cung cấp thì chị C và anh K có 02 (hai) con chung tên Thiệu Quang D, sinh ngày 02/10/2006 và Thiệu Quang P, sinh ngày 16/8/2015. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi hai cháu D và P. Xét thấy, hiện hai cháu D và P đang sống với chị C, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị C có thể chăm sóc con chung tốt. Hơn nữa, cháu D có nguyện vọng là muốn sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của hai cháu D và P nên giao hai cháu D và P cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về phân cấp dưỡng nuôi con: Chị C yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật mỗi tháng là 1.490.000 đồng/02 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 cho đến khi hai cháu D và P đủ 18 tuổi. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi chị C và anh K ly hôn không chỉ là nghĩa vụ của cá nhân chị C mà còn là nghĩa vụ của anh K. Chị C là người trực tiếp nuôi con nên buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 24/1999/CV-KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao

thì người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định; căn cứ Điều 3 của Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ, mức lương tối thiểu chung được áp dụng hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng. Như vậy, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu D và P mỗi tháng là 1.490.000 đồng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi hai cháu D và P đủ 18 tuổi.

[7] Về chia tài sản, nợ chung: Chị C trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Anh K vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Thiệu Quang K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về việc “Ly hôn” với anh Thiệu Quang K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Thiệu Quang K.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) cháu Thiệu Quang D, sinh ngày 02/10/2006 và Thiệu Quang P, sinh ngày 16/8/2015 cho chị Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thiệu Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu D và P mỗi tháng là 1.490.000 đồng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2022 đến khi hai cháu D và P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0002833 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí. Buộc anh Thiều Quang K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị C và anh Thiều Quang K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy